

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

**Kính gửi: Quý Công ty, các nhà cung cấp hóa chất,  
sinh phẩm tại Việt Nam.**

Hiện nay Trung tâm đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua hóa chất, sinh phẩm sử dụng năm 2025-2026 tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình. Trung tâm kính đề nghị Quý Công ty, các nhà cung cấp hóa chất, sinh phẩm tại Việt Nam có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật báo giá hóa chất, sinh phẩm với danh mục theo nhu cầu của chúng tôi, cụ thể như sau:

### **I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình.
  - Địa chỉ: Đường Lê Thái Tổ, phường Nam Thành, Thành phố Ninh Bình.
2. Thông tin liên hệ người chịu trách nhiệm nhận báo giá:
  - Bà Phùng Thị Thùy Dương – Bộ phận Dược - Vật tư y tế.
  - Điện thoại: 0942.942.630; Email: [duocvtyt.cdcbn@gmail.com](mailto:duocvtyt.cdcbn@gmail.com)
3. Cách thức tiếp nhận báo giá:
  - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Tổ chức – Hành chính thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình.
  - Địa chỉ: Đường Lê Thái Tổ, phường Nam Thành, Thành phố Ninh Bình.
  - Đồng thời gửi bản báo giá scan qua email: [duocvtyt.cdcbn@gmail.com](mailto:duocvtyt.cdcbn@gmail.com)
4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ ngày đăng tải đến hết ngày 02 tháng 6 năm 2025

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

### **II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

Danh mục hóa chất, sinh phẩm:

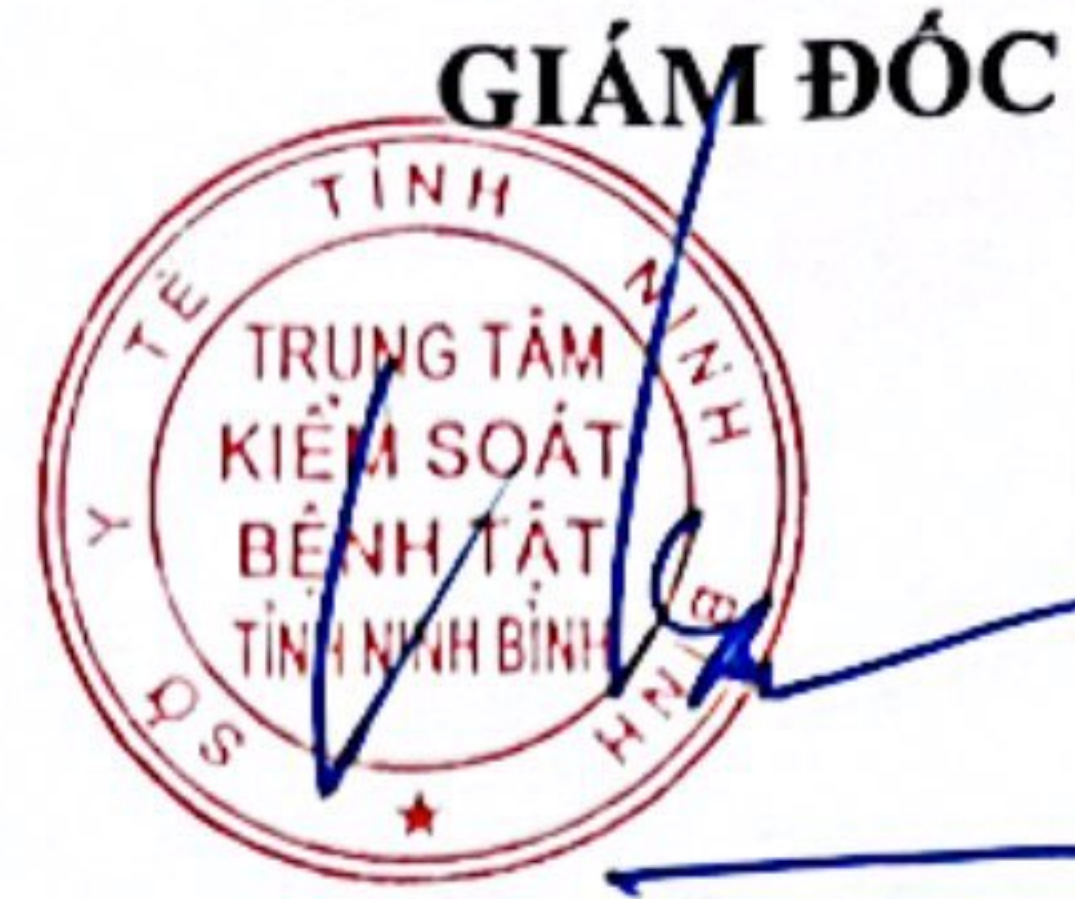
(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Trung tâm rất mong nhận được sự hợp tác của Quý Công ty, các nhà cung cấp./.

Trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Các đơn vị doanh nghiệp cung ứng;
- Phòng KHNH (để đăng tin);
- Lưu: VT,DVT.



**Lê Hoàng Nam**

**PHỤ LỤC**  
**Danh mục hóa chất, sinh phẩm**  
**sử dụng năm 2025-2026 tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình**

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số 585 /KSBT-DVT ngày 23/05/2025 của Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình )

| STT | Tên hàng hóa                                          | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                          | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 1   | Hóa chất XN định lượng Cholesterol                    | -Hóa chất xét nghiệm Cholesterol trong huyết thanh hoặc huyết tương<br>TCCL: ISO 13485 hoặc tương đương<br>- Quy cách đóng gói: $\geq 400$ ml/hộp                                                                                          | Hộp         | 4        |
| 2   | Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine             | -Hóa chất Xét nghiệm định lượng Creatinine huyết thanh hoặc huyết tương<br>-TCCL: ISO 13485 hoặc tương đương<br>-Quy cách đóng gói: $\geq 400$ ml/hộp                                                                                      | Hộp         | 4        |
| 3   | Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose                | - Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose huyết thanh hoặc huyết tương<br>- TCCL: ISO 13485 hoặc tương đương<br>-Quy cách đóng gói: $\geq 400$ ml/hộp                                                                                       | Hộp         | 4        |
| 4   | Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT                | - Hóa chất XN định lượng AST/GOT trong huyết thanh hoặc huyết tương<br>- TCCL: ISO 13485 hoặc tương đương<br>-Quy cách đóng gói: $\geq 400$ ml/hộp                                                                                         | Hộp         | 4        |
| 5   | Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT/GPT                | - Hóa chất XN định lượng ALT/GPT trong huyết thanh hoặc huyết tương<br>- TCCL: ISO 13485 hoặc tương đương<br>-Quy cách đóng gói: $\geq 400$ ml/hộp                                                                                         | Hộp         | 4        |
| 6   | Hóa chất XN định lượng Triglycerides                  | Hóa chất XN định lượng Triglycerides trong huyết thanh hoặc huyết tương<br>- TCCL: ISO 13485 hoặc tương đương<br>-Quy cách đóng gói: $\geq 400$ ml/hộp                                                                                     | Hộp         | 4        |
| 7   | Test nhanh định tính kháng nguyên CHLAMYDIA           | Phát hiện kháng nguyên Chlamydia trachomatis trong mẫu dịch phết cổ tử cung. Độ nhạy $\geq 93\%$ , độ đặc hiệu $\geq 99\%$ , độ chính xác 100 %<br>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương<br>-Quy cách đóng gói: $\geq 25$ test/ Hộp  | Test        | 200      |
| 8   | Test nhanh định tính kháng thể kháng virus viêm gan C | - Định tính phát hiện kháng thể kháng virus viêm gan C trong huyết thanh hoặc huyết tương<br>- Độ nhạy: $\geq 98,7\%$ , Độ đặc hiệu $\geq 99,6\%$<br>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương<br>-Quy cách đóng gói: $\geq 50$ test/Hộp | Test        | 300      |
| 9   | Test xét nghiệm Heroin/Mocphin                        | - Phát hiện Heroin/Mocphin trong nước tiểu<br>- TCCL: ISO 13485 hoặc tương đương                                                                                                                                                           | Test        | 400      |
| 10  | Test xét nghiệm Metamphetamin                         | - Phát hiện Metamphetamin trong nước tiểu<br>- TCCL: ISO 13485 hoặc tương đương                                                                                                                                                            | Test        | 200      |

|                               |                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |       |     |
|-------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----|
| 11                            | Test thử nước tiểu 10 thông số           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp thử nghiệm cho Glucose, Bilirubin, Ketone, Specific Gravity, Máu, pH, Protein, Urobilinogen, Nitrite, Leukocytes trong nước tiểu.</li> <li>- Tương thích với máy Simen</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</li> <li>- Quy cách đóng gói: <math>\geq 100</math> test/Hộp</li> </ul>                       | Test  | 200 |
| 12                            | Dung dịch pha loãng                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng để pha loãng máu: Tương thích với máy ABX Micros ES60</li> <li>- Quy cách: Can <math>\geq 10</math> lít</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</li> </ul>                                                                                                                                                       | Can   | 10  |
| 13                            | Dung dịch rửa                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học</li> <li>- Tương thích với máy ABX Micros ES60</li> <li>- Quy cách: Chai <math>\geq 1</math> lít</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</li> </ul>                                                                                                                     | Chai  | 2   |
| 14                            | Dung dịch ly giải                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng để ly giải màng tế bào hồng cầu</li> <li>- Tương thích với máy ABX Micros ES60</li> <li>- Quy cách đóng gói: Chai <math>\geq 1</math> lít</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</li> </ul>                                                                                                                     | Chai  | 2   |
| 15                            | Dung dịch rửa đậm đặc                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học</li> <li>- Thành phần: Chemical cleaning agent: <math>&lt; 5\%</math>, Stabilizer: <math>&lt; 1\%</math></li> <li>- Tương thích với máy ABX Micros ES60</li> <li>- Quy cách đóng gói: Chai <math>\geq 0,5</math> lít</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</li> </ul> | Chai  | 2   |
| 16                            | Cuvets chạy mẫu cho máy xét nghiệm Dirui | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cuvet chạy mẫu xét nghiệm sinh hóa</li> <li>- Tương thích máy DIRUI CS-T300</li> <li>- TCCL: ISO 13485 hoặc tương đương</li> </ul>                                                                                                                                                                                                 | Bộ    | 2   |
| 17                            | Cup chạy chuẩn máy sinh hóa Dirui        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cuvet chạy chuẩn xét nghiệm sinh hóa</li> <li>- Tương thích máy DIRUI CS-T300</li> <li>- TCCL: ISO 13485 hoặc tương đương</li> </ul>                                                                                                                                                                                               | Chiếc | 200 |
| 18                            | Muối hoàn nguyên hạt trao đổi Ion        | Muối hoàn nguyên trao đổi Ion dùng cho máy lọc nước cho xét nghiệm sinh hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Kg    | 100 |
| 19                            | Hóa chất rửa đậm đặc                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất tẩy rửa kiềm máy xét nghiệm sinh hóa</li> <li>- Tương thích máy DIRUI CS-T300</li> <li>- TCCL: ISO 13485 hoặc tương đương</li> <li>- Quy cách: Can <math>\geq 2</math> lít</li> </ul>                                                                                                                                         | Can   | 6   |
| <b>Tổng cộng: 19 mặt hàng</b> |                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |       |     |